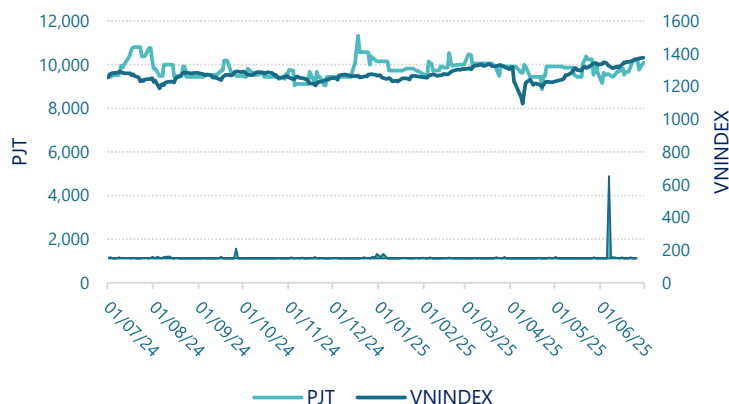


CTCP Vận tải Xăng dầu Đường Thủy Petrolimex (HSX: PJT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,327
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,873
SL cổ phiếu LH	24,882,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,885
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	266
P/E	20.3
EPS	528

DT thuần

Q2/25

184

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 9.9%

YoY: ▲ 20.0 | 11.9%

LN sau thuế

Q2/25

8.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.71 | 129%

YoY: ▼ 11.5 | -57.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.1%

+/- YoY: ▼ 10.0%

DT thuần

6T 2025

350

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.00 | -0.9%

LN sau thuế

6T 2025

12.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.2 | -54.2%

ROE

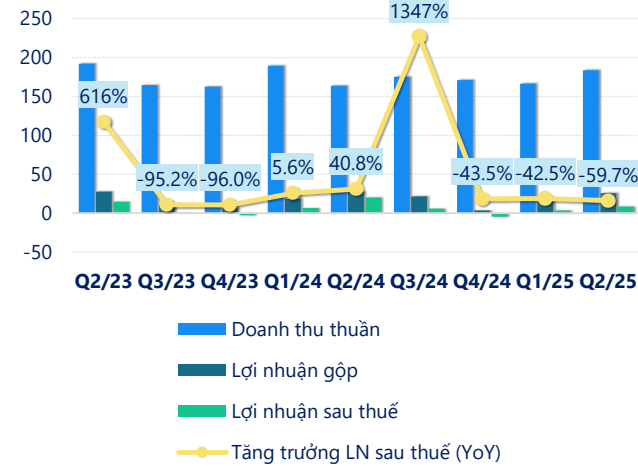
Q2/25

4.1%

+/- YoY: ▼ 3.5%

tỷ VNĐ

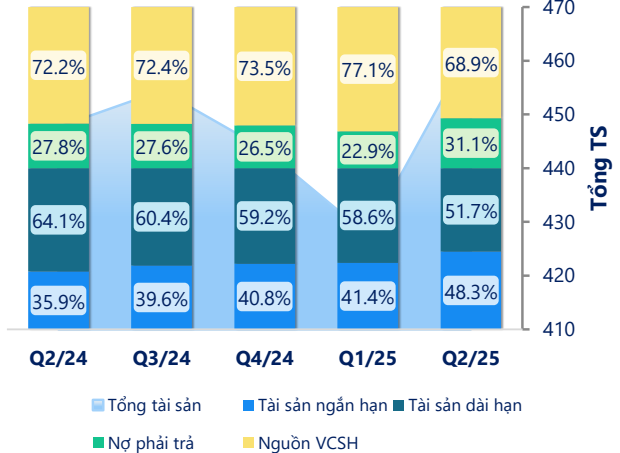
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

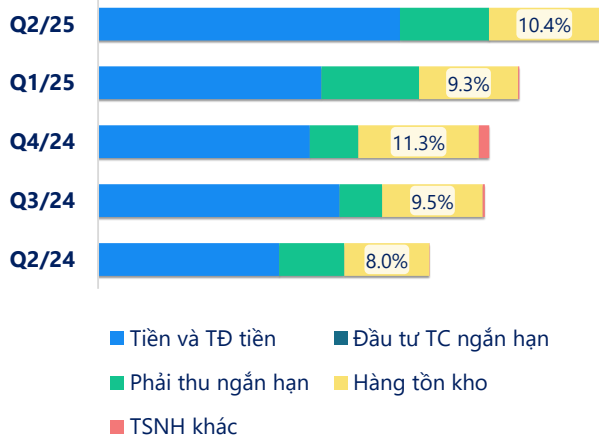
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



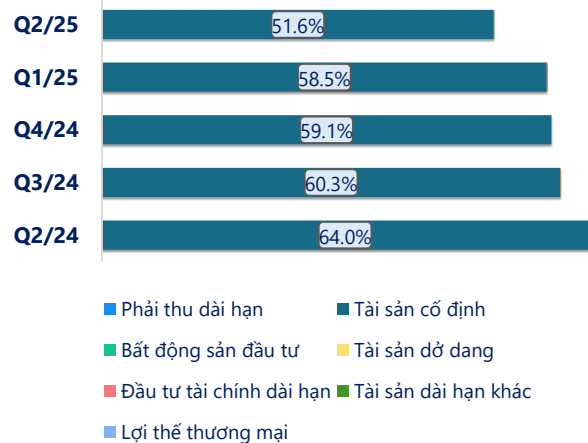
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

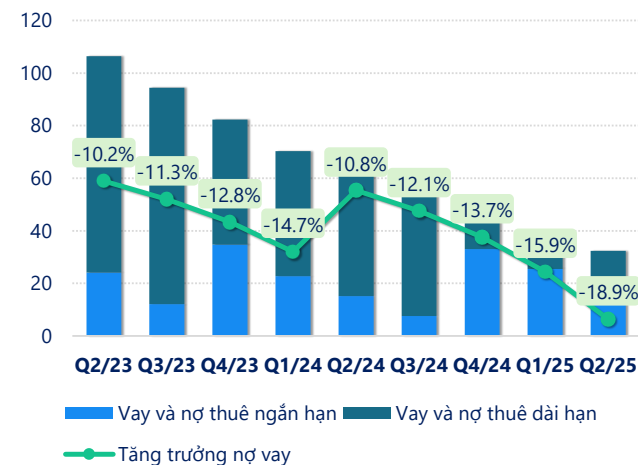
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

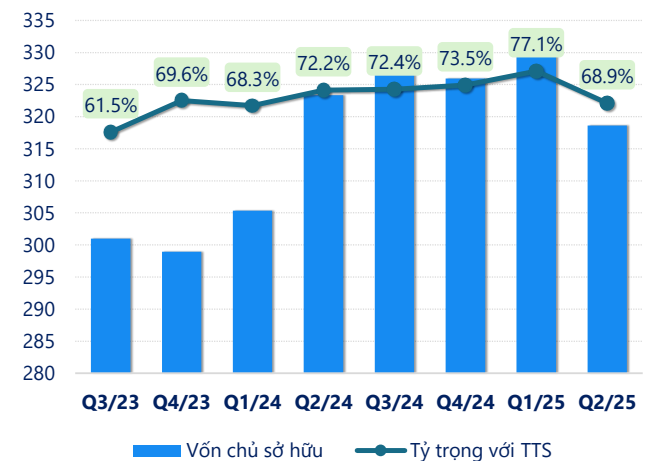
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

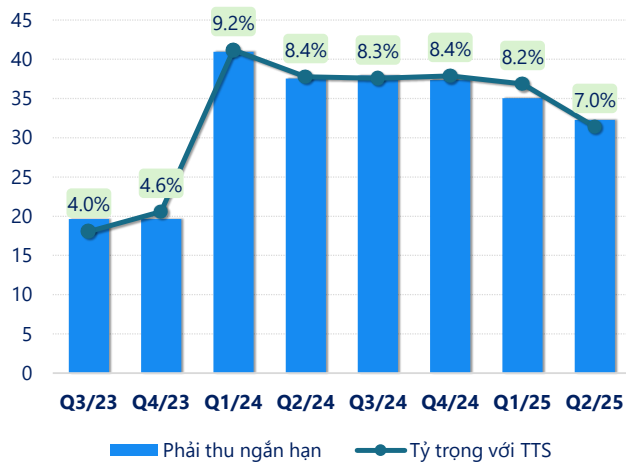
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

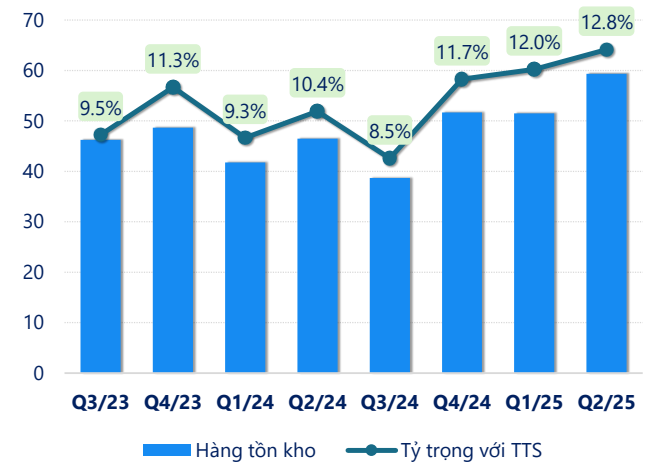
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

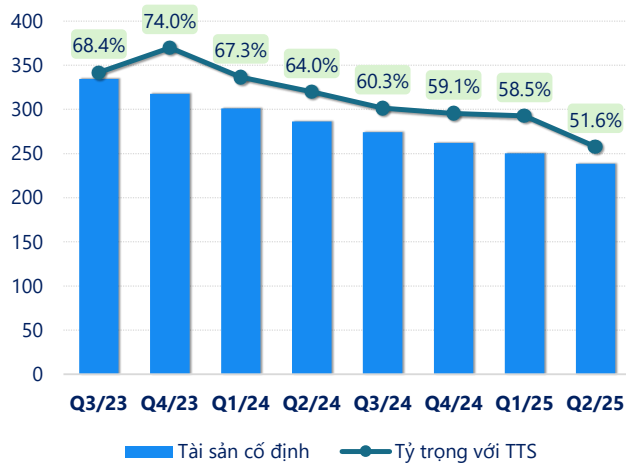
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

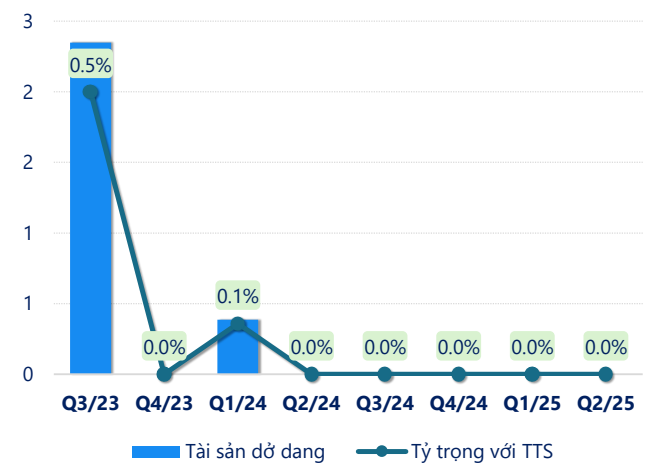
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

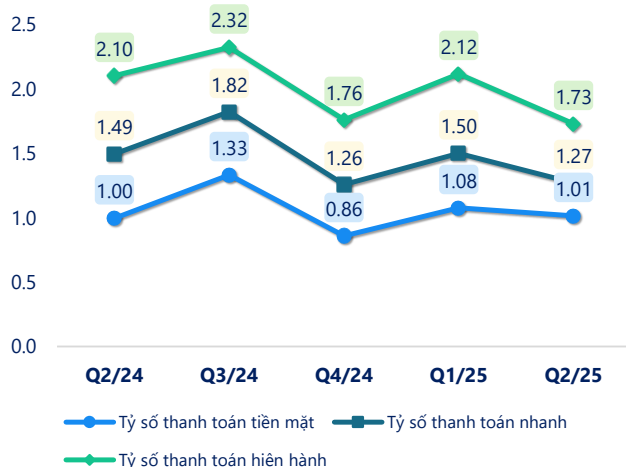
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



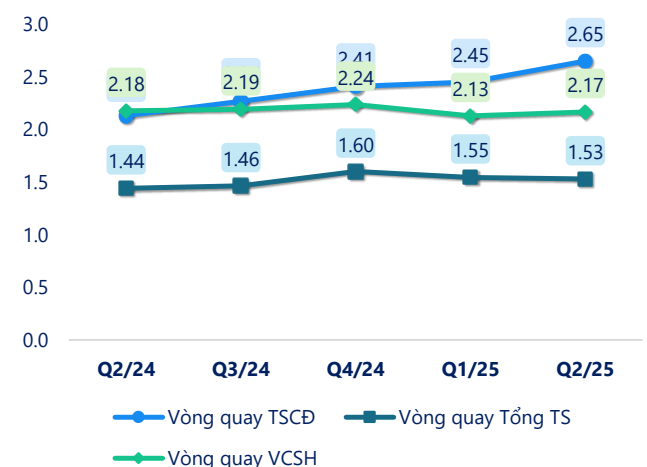
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	448	454	444	428	462
Tài sản ngắn hạn	161	180	181	177	224
Tiền và tương đương tiền	76.2	103	88.2	89.9	131
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.6	37.9	37.4	35.0	32.3
Hàng tồn kho	46.5	38.7	51.7	51.5	59.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.11	3.60	0.40	0.75
Tài sản dài hạn	287	275	263	251	239
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.01
Tài sản cố định	286	274	262	250	238
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.33	0.33	0.33	0.33
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.07	0.07	0.10	0.10
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	124	125	118	98.0	144
Nợ ngắn hạn	76.5	77.5	103	83.5	129
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.1	7.57	33.0	25.5	17.9
Phải trả người bán ngắn hạn	37.0	26.3	46.6	28.6	47.3
Nợ dài hạn	47.8	47.8	14.8	14.5	14.5
Vay và nợ thuê dài hạn	47.5	47.5	14.5	14.5	14.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	323	329	326	330	319
Vốn chủ sở hữu	323	329	326	330	319
Vốn điều lệ	230	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)